

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-04-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Phạm Văn Nhẹ;
 2. Ông Lê Thanh Nghị;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 387/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm: 1985; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ B, Khu vực M, Phường TN, thành phố QN, tỉnh Bình Định;
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1990; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp CM, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2019, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trần Minh T trình bày:

Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 27 tháng 01 năm 2010. Sau khi cưới, thời gian đầu sống

hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Do hiện tại tình cảm không còn anh T yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Th, sinh ngày 25/08/2011, hiện đang sống với chung với chị H. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị H nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 800.000 đồng để nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng chị H không tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T có đơn khởi kiện đối với chị H. Bị đơn chị H đang cư trú tại xã LH, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T xin ly hôn với chị H, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh T có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị H vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Anh T chung sống với chị H từ năm 2010 và được Ủy ban nhân dân xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 27 tháng 01 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân của Anh và Chị là hợp pháp.

Thời gian chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Đối với bị đơn chị H từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do,

cho thấy chị H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà anh T và chị H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh Th, sinh ngày 25/08/2011, hiện đang sống với chung với chị H. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị H nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (có xác nhận của chính quyền địa phương), cháu Th cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó giao cháu Th cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không có yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh T có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 800.000 đồng để nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh T. Anh Trần Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh H được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Trần Minh Th, sinh ngày 25/08/2011.

Anh T tự nguyện cấp dưỡng 800.000 đồng mỗi tháng để nuôi con chung, thời gian cấp dưỡng lần đầu sau khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 43522 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã LH, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gò Công, ngày 23 tháng 04 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ ngày 23 tháng 04 năm 2020.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhẹ;

2. Ông Lê Thanh Nghị;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 387/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh Tài, sinh năm: 1985; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, Khu vực 1, Phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh Hồng, sinh năm: 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Chợ Mới, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Quyết định xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Tài. Anh Trần Minh Tài được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh Hồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh Hồng được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Trần Minh Thông, sinh ngày 25/08/2011.

Anh Tài tự nguyện cấp dưỡng 800.000 đồng mỗi tháng để nuôi con chung, thời gian cấp dưỡng lần đầu sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thông đủ 18 tuổi.

Anh Tài được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Anh Trần Minh Tài phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 43522 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Tài còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 10 giờ 30 phút ngày 23 tháng 04 năm 2020, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thừa

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thị xã Gò Công;
- CC THA.DS;
- Dương sự;
- UBND Phường 2, TXGC;
- Lưu hồ sơ, AV;

Nguyễn Văn Thừa